

Bản án số: 334/2020/HS-PT

Ngày: 17 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tửu

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Đức Phương

Bà Huỳnh Thanh Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 736/2019/TLPT- HS ngày 25 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 386/2019/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo bị kháng cáo:** Nguyễn Văn T; giới tính: Nam; sinh ngày 07 tháng 7 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú số 24, tổ 8, khu phố GA, thị trấn CT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; vợ con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ - tạm giam từ 31/01/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị hại:** Ông Lê Tuấn H, sinh năm 1974 (chết).

**+ Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị B (vợ bị hại), sinh năm 1975; nơi cư trú 364/2, ấp Ph Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú số 24, tổ 8, khu phố Giồng Ao, thị trấn C, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Thị Thu H1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*(Ngoài ra trong vụ án còn có đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị B1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Ph; người làm chứng anh Huỳnh Minh T1, Trương Minh Ng không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng, kháng nghị nên Tòa không triệu tập).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/01/2019, Nguyễn Văn T cùng bạn là Trương Minh Ng, Huỳnh Minh T1 ngồi uống bia tại trước cửa nhà của T1 tại số 411/2 khu phố PT, thị trấn CT, huyện CG. Trong lúc uống bia, T, Ng và T nói chuyện lớn tiếng. Thấy vậy, Lê Tuấn H và Lê Tuấn Ph (em ruột H) đang ngồi uống rượu bên kia đường, tưởng nhóm T chửi mình nên H cầm con dao, Ph cầm nón bảo hiểm đi sang nhà T cự cãi thì được mọi người can ngăn. Sau đó, T chạy vào nhà bếp trong nhà T lấy một con dao bằng kim loại, cất giấu trong người rồi đi ra thì gặp H. T và H tiếp tục cự cãi dẫn đến xô xát. Trong lúc xô xát, T rút dao đâm 02 nhát trúng vào bụng và đùi trái của H rồi bỏ chạy vào hông nhà T dứt bỏ dao rồi đi về. H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh Viện CG và Bệnh Viện 115 Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến ngày 31/01/2019 thì H tử vong.

Ngày 01/02/2019, Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CG ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận Giám định pháp y tử thi số 321/19/KLGD-PY ngày 15/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Lê Tuấn H chết do sốc mất máu, không thể hồi phục do vết thương thấu bụng.

Theo Công văn số 441/CV-BC09-DD4 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải thích pháp y đối với vết thương của nạn nhân Lê Tuấn H như sau:

- Cơ chế hình thành dấu vết thương tích:

+ Hông trái trên đường trung đoàn có vết thủng da hình chữ V đã được khâu bằng 03 mũi chỉ rời, vết thủng hình chữ V có 02 cạnh có kích thước lần lượt là 3,5 cm và 04 cm. Đây là vết thương gây ra cái chết của nạn nhân, do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm.

+ Mặt ngoài 1/3 trên đùi trái, có vết thủng da, kích thước 3,5cm x 1,5 cm đã được khâu bằng 01 mũi chỉ rời. Vết thủng da tại đùi trái hình bầu dục, có 02 góc

nhỏ, có chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, hơi chệch từ trái sang phải, độ sâu 0,9 cm và chỉ gây tổn thương da cơ. Vết thương này không gây ra cái chết của nạn nhân, do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm.

- Căn cứ vào dấu vết hình thành dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân Lê Tuấn H thì con dao được gửi đến giám định sinh vật tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (con dao dài khoảng 34 cm, lưỡi dao dài khoảng 20 cm, bản rộng nhất khoảng 4,5 cm) là vật sắc nhọn có thể gây ra được vết thương nêu trên.

Theo bảng kết luận giám định số 207-19/KLGD-SV ngày 29/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Mẫu máu của nạn nhân Lê Tuấn H thuộc nhóm máu O.
- Con dao dài khoảng 34 cm, lưỡi dao dài khoảng 20 cm, bản rộng nhất khoảng 4,5 cm, mặt lưỡi dao có chữ VIVO: có dính máu người, không còn dấu vết để xác định nhóm máu.
- Con dao dài khoảng 27 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 17 cm, bản rộng khoảng 4 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh, không dính máu.
- Một số mảnh vỡ vỏ chai: Không dính máu.
- Áo thun và quần short: Không dính máu.

*Vật chứng vụ án:*

- 01 con dao bằng kim loại sáng trắng dài khoảng 34 cm, lưỡi dao dài khoảng 20 cm, bản rộng nhất khoảng 4,5 cm, mặt lưỡi dao có chữ VIVO;
- 01 con dao dài khoảng 27 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 17 cm, bản rộng khoảng 4 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh; 01 số mảnh vỡ vỏ chai bia Sài Gòn; 01 quần short màu xám đen; 01 mẫu máu nạn nhân Lê Tuấn H.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 386/2019/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Giết người”.
- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 98 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2019.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí; về lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28 tháng 10 năm 2019, đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị B kháng cáo Bản án sơ thẩm số 386/2019/HS-ST, ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Lý do:* Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 10 (mười) năm tù là quá nhẹ so với hành vi, mức độ thiệt hại mà bị cáo gây ra cho bị hại và gia đình bị hại, cũng như gây bất an cho trật tự xã hội.

*Vì thế, bà B kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm:* Xem xét hành vi, thủ đoạn phạm tội, phương tiện phạm tội, và các hành vi khác mà bị cáo đã gây ra cho bị hại, gia đình bị hại cũng như trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ để làm cơ sở tăng nặng mức hình phạt tù đối với bị cáo.

- Ngày 29 tháng 10 năm 2019, đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 386/2019/HS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Lý do:* Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T con bà Đ 10 (mười) năm tù là quá nặng. Vì từ trước đến khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án; gia đình bà Đ vô cùng khó khăn chồng bà Đ chết sớm, bà Đ có 03 người con, trong đó 01 người con nghiện hút hiện đang cai nghiện bắt buộc; bị cáo T là con út khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi; bị hại cũng có lỗi.

*Vì thế, bà Đ kháng cáo:* Xin tòa phúc thẩm xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

- Đại diện hợp pháp của bị hại, bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 28/10/2019. Không bổ sung chứng cứ mới.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo, bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 29/10/2019. Không bổ sung chứng cứ mới.

- Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội: Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, bị cáo không kháng cáo.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người” và xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt Tòa sơ thẩm phạt bị cáo T 10 (mười) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Và khi lượng hình Tòa sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng đầy đủ các T tiết như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có một phần lỗi nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời khi lượng hình Tòa sơ thẩm cũng đã áp dụng nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 91, 98, khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm

hôm nay bị cáo T, bà Đ người đại diện hợp pháp của bị cáo không cung cấp chứng cứ nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bà Bé người đại diện hợp pháp của bị hại cũng không cung cấp chứng cứ nào mới làm căn cứ tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ đại diện hợp pháp của bị cáo T và bà Bé đại diện hợp pháp của bị hại H giữ nguyên án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:* Tòa sơ thẩm phạt bị cáo 10 năm tù là có phần nghiêm khắc, do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi, người bị hại có lỗi, gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn nhưng vẫn khắc phục được một phần hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/01/2019 trong lúc cự cãi với bị hại Lê Tuấn H thì bị cáo đã dùng dao đâm 02 nhát trúng vào bụng và đùi trái của bị hại H làm cho bị hại H tử vong vào ngày 31/01/2019. Bị cáo thừa nhận việc bị hại H tử vong là do chính bị cáo gây ra.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại tòa. Cho nên Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Và khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng đầy đủ các T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại cũng có một phần lỗi, đồng thời tòa sơ thẩm cũng đã áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội theo quy định tại các Điều 91, 98 và 101 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T 10 (mười) năm tù là đã tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới để tăng nặng trách nhiệm hình sự và cũng không có căn cứ nào mới

để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên theo đề nghị của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bà Đ đại diện hợp pháp của bị cáo T và cũng không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của bà Bé đại diện hợp pháp của bị hại H, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí Hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Bé không PH chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp người bị hại số tiền 416.324.000 đồng; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 386/2019/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 98 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

2.2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Về án phí Hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị B không phải nộp án phí phúc thẩm.

4/ Quyết định khác của bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp người bị hại số tiền 416.324.000 đồng; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh.
- Trại tạm giam CA TP. HCM
- “để tổng đạt cho bc” (2);
- Các đương sự (2);
- Lưu hs (2) vp (5) 18b (án 09)

**Nguyễn Văn Tửu**